

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa, phường An Bình, tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

SĐT: (061) 3836074 – 3833289 – 3836270

Fax: (061) 3836270 – 3836740

Website: www.docam.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016

Đồng Nai, tháng 04 năm 2017



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động SXKD

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông & thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

03

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả SXKD

Tình hình tài chính

Những cải tiến

Kế hoạch phát triển

04

BÁO CÁO HĐQT

Đánh giá về các mặt hoạt động

Đánh giá về hoạt động của

Ban Tổng Giám Đốc

Kế hoạch & định hướng

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Tổ chức bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
Tên viết tắt	DOCAM
Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Đường số 1, KCN Biên Hòa, phường An Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Số điện thoại	(061) 3836074 – 3836092 – 3836270
Số fax	(061) 3836092 – 3836270
Website	www.docam.vn
Mã cổ phiếu	DOC
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 3600333736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/03/2010, thay đổi lần thứ tư ngày 04/04/2014	





2. Quá trình hình thành và phát triển



02/12/2004

Thành lập Công ty TNHH một thành viên Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước)

29/6/2005

Thành lập Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Trong đó DOCAM là Công ty thành viên.

01/03/2010

Chính thức hoạt động theo loại hình Công ty Cổ Phần với vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh.

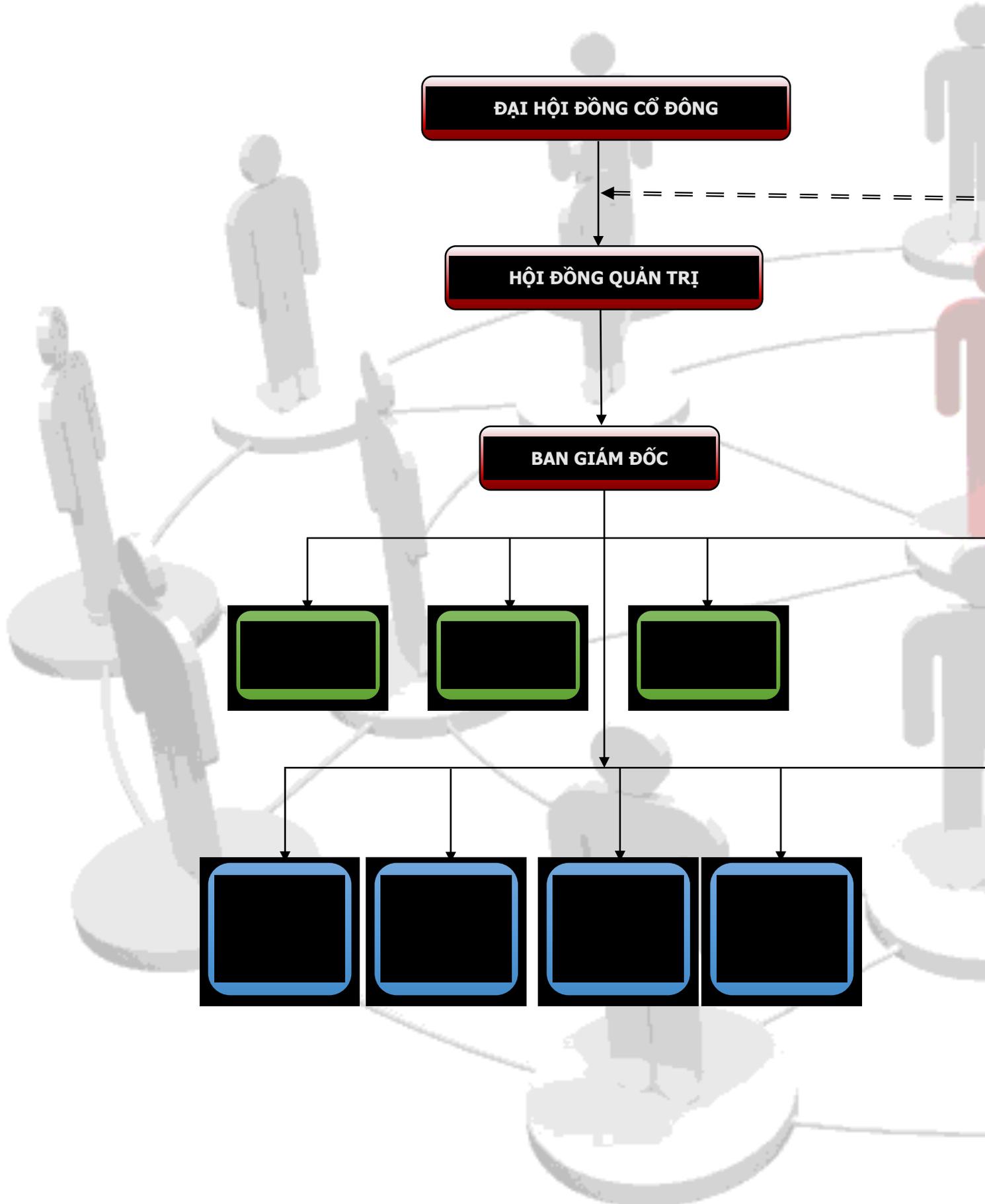
- Mua bán, xuất nhập khẩu: phân bón, nông sản, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y chăn nuôi và thuốc thú y thủy sản; vật tư thiết bị phụ tùng máy móc nông nghiệp và thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ, lương thực thực phẩm; giống cây trồng, chất kích thích cây trồng và vật nuôi;
- Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, xi măng, hạt nhựa;
- Sản xuất, chế biến phân bón tổng hợp, phân vi sinh, vi lượng, phân đặc chủng, bao bì PP; Gia công, chế biến và đại lý mua bán hàng nông sản, lương thực, nông sản thực phẩm chế biến;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp và nhà ở; Vận tải hàng hóa đường bộ; Dịch vụ cho thuê kho, xưởng, giao nhận hàng hóa quốc tế, nội địa và dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Mua bán, ươm giống, nuôi trồng hoa phong lan, cây cảnh;
- Gia công đóng gói, đại lý mua bán lương thực, thực phẩm.

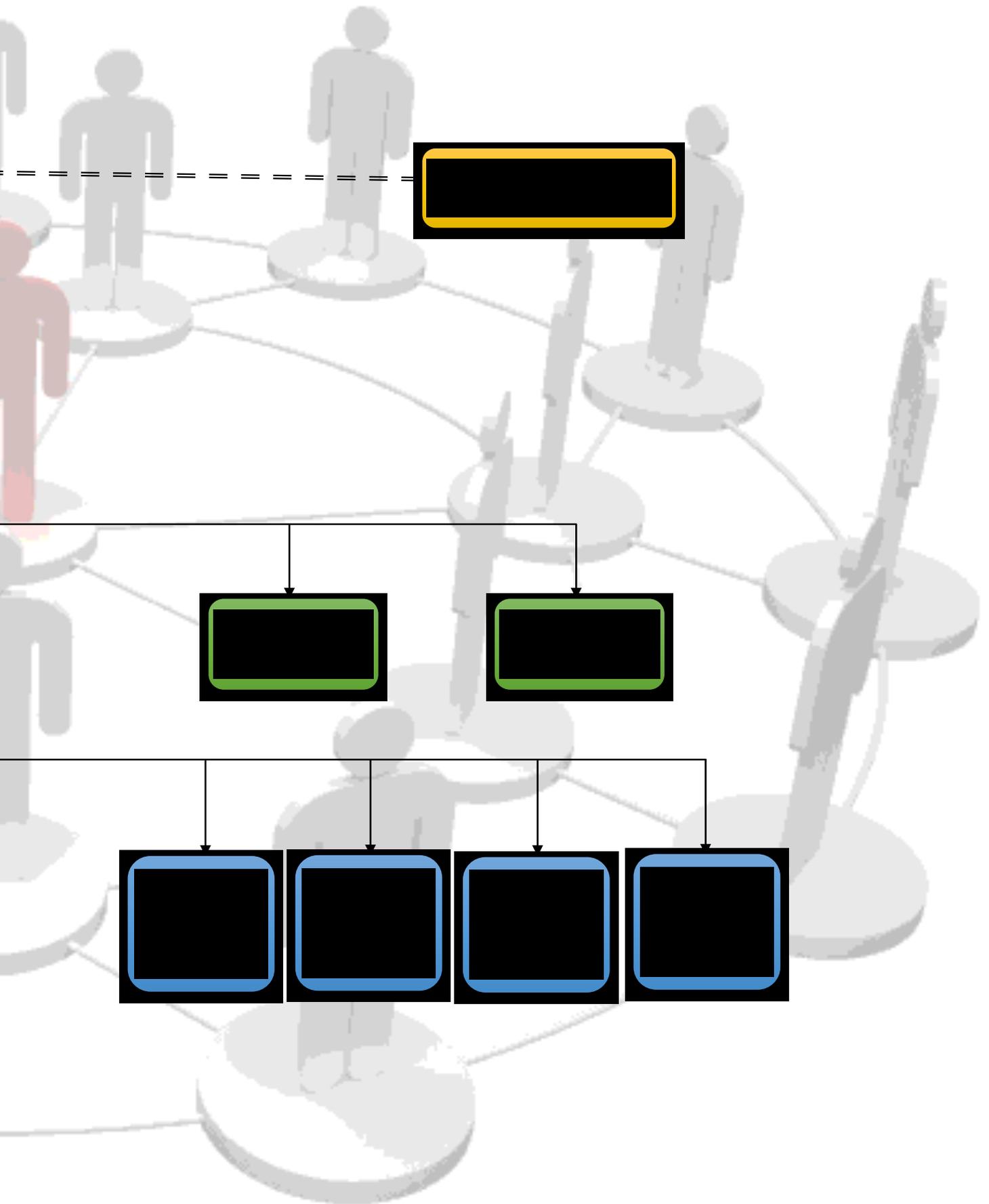


Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu tại khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và một số tỉnh thành khác ở Việt Nam.

4. Tổ chức bộ máy quản lý







5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu phát triển chủ yếu

Đảm bảo kết quả hoạt động mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Ổn định và mở rộng thị trường hoạt động của Công ty.

Chia sẻ và hợp tác với các đối tác/khách hàng, đảm bảo đôi bên cùng có lợi.

Đồng hành với sự phát triển của các vùng nông nghiệp gắn kết với sự phát triển của Công ty.

Xây dựng và phát triển thương hiệu phân bón DOCAM trở thành một trong những thương hiệu uy tín nhất về chất lượng.

Xây dựng chính sách tuyển dụng, phát triển, đánh giá và đào tạo nhân viên, nhằm giúp Công ty sở hữu đội ngũ nhân viên hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, đạt được mục tiêu.

Sử dụng tài sản, vốn hợp lý, hiệu quả, nhằm tiết kiệm chi phí cũng như đem lại lợi ích cho Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tăng cường kêu gọi và thu hút vốn đầu tư, cải tiến, nâng cấp công nghệ và nhà máy sản xuất phân bón.

Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động đào tạo kỹ năng và kiến thức chuyên môn; tìm kiếm, tuyển dụng mới nhân sự chất lượng cao.

Xây dựng thương hiệu phân bón DOCAM, phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp đầu ngành phân bón.

Các mục tiêu phát triển bền vững:

Công ty luôn coi trọng và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch. Đặc biệt, Công ty luôn đặt sự an toàn sản xuất lên hàng đầu, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cần thiết trong quá trình sản xuất.



Công ty luôn ưu tiên mục tiêu vì môi trường trong quá trình hoạt động. Quy trình hoạt động, sản xuất của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn về môi trường, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác của địa phương.

Đảm bảo mục tiêu phát triển công ty đi đôi với việc đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội. Hằng năm công ty thường trích một phần lợi nhuận, quỹ phúc lợi của mình nhằm tài trợ cho các chương trình hoạt động vì xã hội, cộng đồng nơi công ty đặt trụ sở chính như: đóng góp quỹ xây dựng nhà tình thương, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ an ninh quốc phòng tại địa phương, hiến máu nhân đạo,...

6. Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế

Tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam có nhiều biến động trong năm 2016, dự báo một năm 2017 nhiều thử thách cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó, chính sách phá giá đồng Nhân Dân tệ và chính sách lãi suất của FED, dự báo sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu phân bón trong năm tới thông qua tác động đến tỷ giá CNY/VND và USD/VND.

Nền kinh tế Việt Nam tuy chỉ đạt mức tăng trưởng 6,21% thấp hơn năm 2015 và không đạt được mục tiêu đề ra, tuy nhiên vẫn giữ được sự cân bằng và ổn định nhờ vào những chính sách kiềm chế lạm phát và giữ ổn định tỷ giá USD/VND. Bên cạnh đó nền nông nghiệp nước nhà đã có một năm đầy khó khăn bởi thiên tai hạn hán và xâm nhập mặn, tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh vật tư nông nghiệp. Để hạn chế rủi ro, Công ty luôn theo sát và cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô để có thể ứng phó với những biến động khó lường từ nền kinh tế.

Rủi ro về pháp luật

Hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp chịu sự điều chỉnh của hệ thống Luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Bộ Luật Lao Động, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường,... Hệ thống pháp luật nước ta đang trong quá trình hoàn thiện nên chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sự thay đổi trong tương lai. Do đó, Công ty luôn cập nhật những sự điều chỉnh này, để có thể điều chỉnh hoạt động kinh doanh sao cho phù hợp với chính sách mới





Rủi ro về môi trường

Hoạt động sản xuất phân bón thải ra khí CO₂, Amoniac tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường sống của người dân và hệ sinh thái tự nhiên. Trong những năm gần đây, vấn đề môi trường là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm của dư luận nhiều nhất. Những trường hợp gây ô nhiễm môi trường như Vedan hay Formosa hứng chịu nhiều chỉ trích từ cộng đồng, và sự quay lưng từ người tiêu dùng. Nhận thức được điều đó, Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về môi trường trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh, trong đó, đặc biệt chú trọng đến các hoạt động xử lý chất thải nước và chất thải rắn, để đảm bảo một môi trường sống lành mạnh và an toàn cho cộng đồng xung quanh địa bàn.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã được nhận diện ở trên, Công ty có thể phải đối mặt với những trường hợp bất khả kháng như cháy nổ, hỏa hoạn, thiên tai ... Để đề phòng và giảm thiểu tối đa thiệt hại do những trường hợp này gây ra, Công ty đã thực hiện nghiêm túc những quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy... và tham gia bảo hiểm cho người lao động và tài sản.



Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty có mối liên hệ mật thiết đến ngành nông nghiệp nên sẽ bị ảnh hưởng bởi diện tích đất trồng và tính mùa vụ. Năm 2016, miền Tây Nam Bộ, vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hiện tượng xâm nhập mặn, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. Trong tương lai, hiện tượng này được dự báo diễn biến khó lường và tác động nghiêm trọng hơn nữa, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của ngành phân bón nói chung và của Công ty nói riêng.

Bên cạnh đó, ngành sản xuất phân bón Việt Nam vẫn chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu phân bón trong nước, mỗi năm Việt Nam phải nhập khẩu một lượng đáng kể từ Trung Quốc, Nga ... Những yếu tố trên góp phần tạo nên áp lực cạnh tranh rất lớn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành.

Ngoài ra, biến động về giá dầu cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến giá phân bón. Sau khi các nước thuộc OPEC đã có một thỏa thuận chung về cắt giảm sản lượng dầu, giá dầu năm 2017 dự kiến sẽ ổn định hơn so với năm 2016. Tuy nhiên, sự ổn định này phụ thuộc vào mức độ tuân thủ thỏa thuận này của các thành viên trong OPEC. Chính vì thế, các doanh nghiệp ngành phân bón nói chung và riêng DOCAM cũng cần liên tục cập nhật tình hình để có thể ứng phó kịp thời biến động về giá của phân bón khi giá dầu thay đổi.



02

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

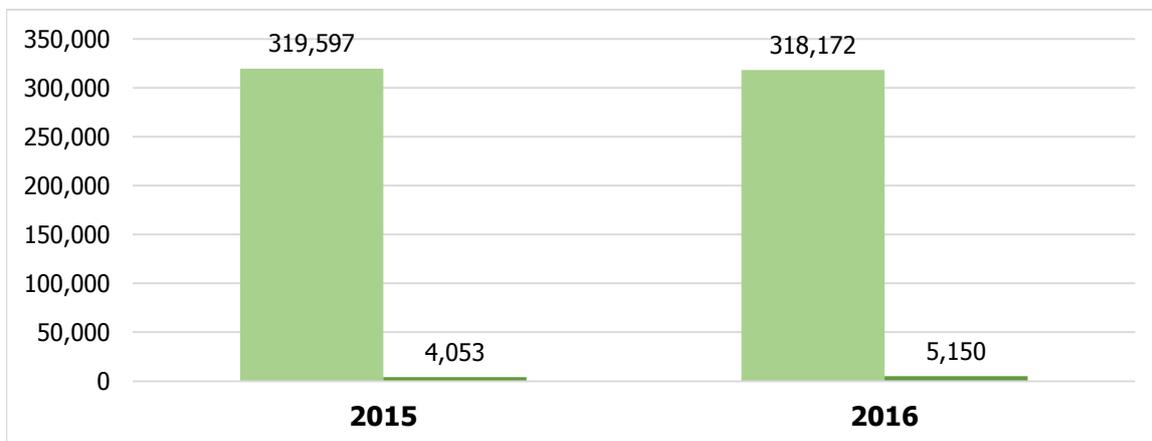


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	% tăng giảm
Tổng sản lượng	Tấn	39.264	45.919	16,95%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	319.597	318.172	-0,45%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.868	6.457	10,04%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.053	5.150	27,07%



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM

Năm qua, tuy tổng sản lượng tiêu thụ tăng 16,95% nhưng doanh thu của Công ty giảm 0,45%, từ 319,60 tỷ đồng năm 2015 xuống còn 318,17 tỷ đồng năm 2016 do giá phân bón giảm mạnh. Mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận trước và sau thuế đều tăng vượt kế hoạch đề ra (lợi nhuận trước thuế tăng 10,04% từ 5,89 tỷ đồng lên 6,46 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế tăng 27,07% đạt 5,15 tỷ đồng so với 4,05 tỷ đồng năm 2015).

Cơ cấu doanh thu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	% tăng giảm
1	Phân bón kinh doanh	Triệu đồng	277.282	238.352	-14,04
	Phân bón Nhà Máy sản xuất	Triệu đồng	11.506	7.732	-32,80
3	Nông sản	Triệu đồng	27.644	35.493	28,39
	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Triệu đồng	-	32.841	-
5	Hạt giống, thuốc bảo vệ thực vật	Triệu đồng	658	696	5,79
	Dịch vụ khác	Triệu đồng	2.507	3.058	22,01
	Doanh thu thuần	Đồng	319.597	318.172	-0,45



Cơ cấu sản phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	% tăng giảm
1	Phân bón Kinh doanh	Tấn	32.575	33.282	2,17
2	Phân bón Nhà máy sản xuất	Tấn	1.657	1.164	-29,75
3	Nông sản	Tấn	4.982	5.306	6,50
4	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Tấn	-	6.112	-
5	Hạt giống	Tấn	50	55	10,00
6	Dịch vụ khác				
	Tổng cộng	Tấn	39.264	45.919	16,95

Phân bón kinh doanh là nguồn phân bón do công ty nhập khẩu hoặc mua nội địa và bán cho các khách hàng. Doanh thu phân bón kinh doanh chiếm tỷ trọng cao nhất (74,91% doanh thu thuần năm 2016) đạt 238,35 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn sản xuất phân bón để bán ra thị trường. Sản phẩm của Công ty sản xuất là phân hỗn hợp NPK và phân hữu cơ sinh học do Nhà Máy Phân Bón của Công ty sản xuất ra và tiêu thụ, chiếm tỷ trọng thấp trong doanh thu thuần, nguyên nhân là do thị hiếu của khách hàng ưa chuộng các loại phân bón ngoại, thêm vào đó công ty DOCAM không để khách hàng mua nợ sản phẩm của mình quá nhiều so với các công ty cùng ngành nên đầu ra của Nhà Máy còn rất hạn chế.

Công ty còn có những mặt hàng nông sản kinh doanh gồm: khoai mì, bắp hạt, cà phê nhân do Công ty mua về bán lại, chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty (8,65% năm 2015 và 11,16% năm 2016). Doanh thu từ mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chiếm tỷ trọng lớn thứ 3 trong cơ cấu doanh thu thuần năm 2016. Doanh thu từ kinh doanh hạt giống, thuốc bảo vệ thực vật, doanh thu cung cấp dịch vụ (chủ yếu là dịch vụ cho thuê kho xưởng của công ty) và doanh thu bán phế liệu (pallet, bao bì) chiếm tỷ trọng không đáng kể.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM

Cơ cấu lợi nhuận gộp

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	% tăng giảm
1	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	5.799	5.770	-0,50
2	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	69	687	889,86
	Tổng cộng	Đồng	5.868	6.457	10,03



Năm qua, mặc dù doanh thu của Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng xét về mặt lợi nhuận thì các chỉ tiêu đều có mức tăng trưởng khả quan. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lợi nhuận gộp (99,82% năm 2015 và 89,36% năm 2016). Tiếp đến là khoản mục lợi nhuận khác, chủ yếu từ hoạt động bán bao bì phế liệu, pallet tận thu, thanh lý tài sản, đạt 687 triệu đồng năm 2016, góp phần vào sự tăng trưởng lợi nhuận gộp 10,03% so với năm 2015.

1. Tổ chức và nhân sự

Lý lịch Ban điều hành

Bà Phan Thị Anh Thy – Giám đốc	
Ngày tháng năm sinh	20/04/1969
Nơi sinh	Biên Hòa – Đồng Nai
Địa chỉ thường trú	58B đường 30/4, Khu phố 4, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế, Cử nhân Hóa
Tổng số cổ phần sở hữu	1.003.200 cổ phần
Đại diện sở hữu	1.000.000 cổ phần
Sở hữu cá nhân	3.200 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu	10,032% Vốn điều lệ
Quá trình công tác	
07/1995 – 12/2004	Chuyên viên Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
01/2005 – 02/2008	Phụ trách bộ phận Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
03/2008 – 08/2009	Giám đốc Xí nghiệp Nông sản và Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
09/2009 - 12/2011	Chuyên viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
01/2012 – 07/2013	Phó Trưởng phòng Kinh doanh liên kết Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
08/2013 – 03/2014	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 – nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM

Ông Cao Hùng Lai – Phó Giám đốc	
Ngày tháng năm sinh	28/10/1963
Nơi sinh	Biên Hòa – Đồng Nai
Địa chỉ thường trú	E4/1 Khu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Tổng số cổ phần sở hữu	1.031.500 cổ phần
Đại diện sở hữu	1.000.000 cổ phần
Sở hữu cá nhân	31.500 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu	10,315% Vốn điều lệ
Quá trình công tác	
07/1985 – 04/1994	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty Cà phê Đồng Nai
05/1994 – 12/2004	Trưởng phòng Kế hoạch - KT Công ty Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)
01/2005 - 02/2010	Trưởng phòng Kế hoạch-KT Công ty TNHH MTV Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
03/2010 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng phòng Kế hoạch
04/2014 – nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Bà Lê Thị Hoa – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	25/07/1965
Nơi sinh	Biên Hòa – Đồng Nai
Địa chỉ thường trú	K3/41 Tân Bản, P.Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Nông lâm
Tổng số cổ phần sở hữu	1.031.200 cổ phần
Đại diện sở hữu	1.000.000 cổ phần
Sở hữu cá nhân	31.200 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu	10,312% Vốn điều lệ
Quá trình công tác	
1986 – 04/1994	Chuyên viên Phòng Kế hoạch; Phó Trưởng trạm Tân Phong Công ty Cà phê Đồng Nai
05/1994 – 12/1995	Trưởng trạm Vật tư Tân Phong Công ty Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)
01/1996 – 12/2004	Chuyên viên phòng Kế hoạch; Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)
01/2005 – 02/2010	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH một thành viên Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
03/2010 – 03/2014	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 – nay	Phó Giám đốc, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
04/2015- nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM

Bà Mai Thị Xuân Hồng – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	21/7/1968
Nơi sinh	Long An
Địa chỉ thường trú	09 khu phố 3, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Tổng số cổ phần sở hữu	1.022.100 cổ phần
Đại diện sở hữu	1.000.000 cổ phần
Sở hữu cá nhân	22.100 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu	10,221% Vốn điều lệ
Quá trình công tác	
03/1988 – 12/2001	Chuyên viên Phòng Kế toán Công ty Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)
01/2002 – 12/2004	Phó phòng Kế toán Công ty Vật tư nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)
01/2005 – 12/2006	Phó phòng Kế toán Công ty TNHH một thành viên Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
01/2007 – 02/2010	Q. Trưởng phòng Kế toán Công ty TNHH một thành viên Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
03/2010 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm qua, có 01 phó Giám đốc nghỉ hưu từ 28/02/2016.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2016

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	62	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	19	30,65
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	8	12,90
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	9	14,51
4	Lao động phổ thông	26	41,94
II	Theo đối tượng lao động	62	100
1	Lao động trực tiếp	20	32,25
2	Lao động gián tiếp	42	67,75
III	Theo giới tính	62	100
1	Nam	48	77,42
2	Nữ	14	22,58
Tổng cộng		62	100

Mức lương bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
Mức lương bình quân	Đồng/người/tháng	5.930.000	6.915.000

Chính sách nhân sự

- Chính sách đào tạo:

Xác định rõ vai trò của việc đào tạo đối với vấn đề nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai luôn có những biện pháp khuyến khích việc chia sẻ kinh nghiệm giữa những người lao động, đồng thời công ty tiến hành tổ chức các đợt đào tạo chuyên môn cho các công nhân.

- Thời gian làm việc:

Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các hợp đồng, nhân viên sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

- Chính sách lương thưởng:

Chính sách lương - thưởng là một trong những chính sách cơ bản giúp thu hút, duy trì và giữ chân người lao động, đặc biệt là lao động giỏi. Ý thức được điều này, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai luôn nghiên cứu sao cho chính sách lương – thưởng phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời tạo động lực cho người lao động nỗ lực làm việc và tạo nên lợi thế cạnh tranh trong việc hấp dẫn nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chính sách phúc lợi:

Vào các ngày Lễ kỉ niệm lớn như Tết Nguyên Đán, Ngày Lễ 30/04 & 01/05, Ngày Quốc Khánh 02/09, Tết Dương Lịch 01/01, Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 10/03 (Âm Lịch), Công ty đều thực hiện chế độ nghỉ và thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định. Nhân viên nữ sẽ nhận được quà tặng và lời chúc mừng trong các dịp lễ 8/3 và 20/10. Con em của cán bộ công nhân viên trong Công ty vào dịp lễ Thiếu nhi 1/6 cũng được hưởng những phúc lợi tương ứng.

Vấn đề an toàn lao động cũng được Công ty chú trọng bằng cách trang bị đồng phục, dụng cụ cho người lao động theo đúng qui định về an toàn lao động. Công tác sản xuất kinh doanh cũng được đảm bảo đáp ứng đúng qui định an toàn phòng chống cháy nổ để bảo vệ tốt nhất sức khỏe, tính mạng của người lao động.

Để tạo sự chuyên tâm vào công việc và sự an tâm cho người lao động, toàn bộ nhân viên của Công ty đều được nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động. Lãnh đạo công ty cùng Ban chấp hành công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình cán bộ công nhân viên khi gặp khó khăn, hoạn nạn; Tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho nhân viên; Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định.

2. Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện dự án

Trong năm qua, Công ty không thực hiện đầu tư các dự án.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	113.139	122.719	108,47
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	110.058	110.455	100,36
Doanh thu thuần	Triệu đồng	319.597	318.172	99,55
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu đồng	5.799	5.770	99,50
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	69	687	995,65
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.868	6.457	110,04
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.053	5.150	127,07
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	98,69%		



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	35,29	9,73
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	21,83	8,12
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	2,72	9,99
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	2,80	11,10
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,68	9,89
-	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	2,75	2,70
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,27	1,62
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	3,70	4,67
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,48	4,37
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,81	1,81



Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều giảm mạnh trong năm 2016. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 35,29 lần xuống còn 9,73 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 21,84 lần xuống còn 8,12 lần. Nguyên nhân là do phần trăm tăng thêm các khoản nợ phải trả ngắn hạn cao nhiều so với phần trăm tăng thêm tài sản ngắn hạn, tương ứng với 3,98 lần và 9,72%.

Các hệ số khả năng thanh toán đều > 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ Công ty đạt mức cao. Hệ số nợ phải trả so với nguồn vốn thấp cho thấy khả năng độc lập về mặt tài chính của Công ty rất cao, do đó mức độ rủi ro tài chính từ những biến động trên thị trường tài chính là thấp.

Cơ cấu vốn

Công ty sử dụng chủ yếu vốn chủ sở hữu để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Công ty không có các khoản nợ dài hạn, Nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ 2 khoản là nợ phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn. Việc tăng các khoản này trong năm đã làm cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn tăng cụ thể hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 2,72% năm 2015 lên 9,99% năm 2016, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 2,80% lên đến 11,10% (phải trả người bán tăng từ 0,65 tỷ đồng lên 4,18 tỷ đồng, người mua trả tiền trước tăng từ 0,53 tỷ đồng lên 4,10 tỷ đồng).

Năng lực hoạt động

Trong năm qua, nhờ chiến lược đẩy mạnh bán sản phẩm ra ngoài, đẩy nhanh tốc độ lưu thông hàng hóa nhằm sử dụng hiệu quả chi phí và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Công ty. Vì thế, lượng hàng tồn kho của Công ty giảm từ 41,45 tỷ đồng năm 2015 còn 19,74 tỷ đồng năm 2016 làm cho vòng quay hàng tồn kho tăng từ 7,68 vòng lên đến 9,89 vòng. Điều này cho thấy Công ty đang quản lý tốt khoản mục hàng tồn kho của mình.

Khả năng sinh lời

Như phân tích ở những phần trên, lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 5,15 tỷ đồng, tăng 27,07% so với năm 2015. Điều này làm các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2016 đều cao hơn năm trước. Chỉ số ROA và ROE lần lượt là 4,37% và 4,67% cao hơn so với tỷ lệ 3,48% và 3,70% năm 2015.



4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Số cổ phiếu đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 10.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày lập báo cáo thường niên (05/4/2017)

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	160	10.000.000	100,00%
1	Cá nhân	155	2.239.200	22,39%
2	Tổ chức	5	7.760.800	77,61%
II	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		160	10.000.000	100,00%



5. Báo cáo phát triển bền vững

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại nên sản phẩm đầu vào cũng chính là sản phẩm đầu ra của Công ty. Công ty gần như không sử dụng nguyên vật liệu thô nào trong các hoạt động kinh doanh phân bón.

Đối với hoạt động sản xuất phân bón, Công ty sử dụng nguyên vật liệu đầu vào là các loại hóa chất. Công ty đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo quản và sử dụng hóa chất trong sản xuất phân bón, tránh thất thoát hóa chất ra ngoài, ảnh hưởng đến cuộc sống của dân cư xung quanh địa bàn. Việc đóng gói sản phẩm, Công ty sử dụng bao bì PP, trong quá trình sản xuất các nguyên vật liệu như hạt nhựa, mực in... luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ.

Tiêu thụ năng lượng

Điện năng của Công ty được sử dụng chủ yếu cho hoạt động quản lý và vận hành nhà máy sản xuất. Chi phí mà Công ty phải trả cho nhà cung cấp điện năm 2016 là 108.934.716 đồng tương đương so với năm 2015.

Công ty cũng đưa ra những chính sách khuyến khích công nhân viên chức thực hiện tiết kiệm điện, sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng, nhằm giảm chi phí cho Công ty và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên quý giá nhưng không vô tận, vì thế chính sách tiết kiệm nước luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Phần lớn, lượng nước được sử dụng trong quá trình sản xuất phân bón. Trong năm qua Công ty đã sử dụng 38.787.875 đồng tiền nước.

Ngoài ra, nước còn phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Công ty và các hoạt động khác. Người lao động trong Công ty đều nhận thức tầm quan trọng trong việc tiết kiệm cũng như sử dụng hiệu quả nguồn nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Môi trường luôn là vấn đề nóng của xã hội, bảo vệ môi trường là bảo vệ nguồn tài nguyên, đời sống của con người. Nhận thức được điều đó trong năm qua Công ty luôn tuân thủ những quy định về bảo vệ môi trường, xây dựng hình ảnh tốt đẹp trong mắt xã hội và người tiêu dùng. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn về môi trường, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu khác của địa phương.



Chính sách liên quan đến người lao động

Những chính sách đối với người lao động của Công ty được xây dựng dựa trên quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, phù hợp với thực trạng của Công ty và đáp ứng với mức sống của người lao động.

Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động thi đua, sáng tạo trong công việc. Ngoài ra, nâng cao mức thu nhập cho người lao động cũng là một trong những mục tiêu quan trọng mà Công ty hướng đến.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội do Chính quyền địa phương tổ chức. Công ty đã đóng góp đầy đủ quỹ phòng chống, thiên tai năm 2016 theo quy định của UBND tỉnh Đồng Nai.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện nay, Công ty chưa có hoạt động nào liên quan đến thị trường vốn xanh, tuy nhiên nếu nhận được hướng dẫn của UBCKNN, Công ty sẽ tích cực tham gia.



03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo Hiệp hội Công nghiệp phân bón quốc tế (IFA), xét trong trung hạn đến niên vụ 2018-2019, với triển vọng mùa vụ và thị trường nông sản toàn cầu, thì nhu cầu phân bón thế giới tính đến niên vụ 2018-2019 ước tính đạt tốc độ tăng bình quân 1,8%/năm và chạm mốc sản lượng cao nhất từ trước đến nay.

Công ty tọa lạc trên trục đường huyết mạch Quốc lộ 1 A tại vị trí “trung tâm” của khu vực miền Đông Nam Bộ, với hệ thống kho, bãi rộng hơn 2,8 ha; rất thuận tiện cho việc nhập hàng (từ cảng khu vực TP. Hồ Chí Minh hoặc cảng Bà Rịa Vũng Tàu) về Đồng Nai và phân phối đi các tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước hoặc khu vực miền Tây Nam Bộ.

Mạng lưới tiêu thụ của công ty: có 6 Trạm, điểm vật tư nông nghiệp trực thuộc, 1 chi nhánh tại Chợ phân bón Trần Xuân Soạn và có trên 30 khách hàng truyền thống tiêu thụ phân bón; nhất là các công ty chuyên đầu tư về nông nghiệp như: cây cao su, cây thuốc lá,... Khách hàng tiêu thụ nông sản và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi của Công ty là các công ty lớn trong ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi như Cargill, CP Việt Nam, Anova,...

Vị thế công ty trong ngành kinh doanh phân bón phía Nam ngày càng được củng cố và phát triển, phân bón mang thương hiệu Docam có chỗ đứng nhất định trên thị trường vật tư nông nghiệp miền Đông và Tây Nam bộ.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	TH 2016	TH 2016/ KH 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	305.000	318.172	104,32%
2	Tổng sản lượng	Tấn	39.140	45.919	117,32%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.600	5.150	143,06%
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	2.192	3.598	164,14%

Việc lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 5,15 tỷ đồng, vượt 27,07% so với năm 2015 và bằng 143,06% so với kế hoạch, một phần là do sự điều chỉnh mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, cụ thể thuế giảm từ 22% năm 2015 xuống còn 20% năm 2016. Ngoài ra, trong năm 2015 Công ty có một khoản hoàn nhập chi phí trích trước tiền thuê đất do thay đổi ước tính kế toán trong năm là 2,30 tỷ đồng, dẫn đến việc gia tăng trong thu nhập tính thuế năm 2015. Vì vậy, Công ty chỉ đóng 1,3 tỷ đồng chi phí thuế thấp hơn 27,78% so với 1,8 tỷ đồng năm 2015 mặc dù lợi nhuận trước thuế cao hơn năm trước. Bên cạnh đó Công ty còn nộp ngân sách vượt 64,14% kế hoạch được giao.

Tình hình hoạt động kinh doanh năm nay của Công ty khá thuận lợi, nhiều mặt hàng được tiêu thụ tốt, hàng tồn kho được quản lý hiệu quả, hàng tồn kho là hàng đang luân chuyển và còn trong hạn sử dụng; tiền mặt tăng cao. Công ty đã chủ động đánh giá sự biến động của thị trường tài chính để cân đối việc sử dụng đòn bẩy tài chính điều này làm doanh thu tài chính năm 2016 của Công ty tăng 37,64% so với năm 2015, đạt 4,16 tỷ đồng.



Thuận lợi:

Được sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của chính quyền địa phương và Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của DOCAM.

Công ty được Ngân hàng Nông nghiệp – Phát triển nông thôn Đồng Nai và Vietinbank Đồng Nai hỗ trợ tín dụng, kể cả vay, mua ngoại tệ để thanh toán hàng nhập khẩu.

Công ty chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu, không có các khoản vay nợ dài hạn trong năm. Ngoài ra còn quản lý tốt hiệu quả sử dụng vốn của mình nên hạn chế được nhiều rủi ro từ tài chính.

Đội ngũ quản lý có kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh phân bón, nông sản và có tâm huyết. Cán bộ công nhân viên không ngừng nỗ lực nghiên cứu đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ.



Khó khăn:

Năm 2016 nền nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, hạn hán kéo dài, tình trạng xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng gây ảnh hưởng rất lớn đến ngành nông nghiệp. Dự báo trong thời gian tới, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến khó lường, điều này sẽ tác động trực tiếp đến các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp trong đó có DOC.

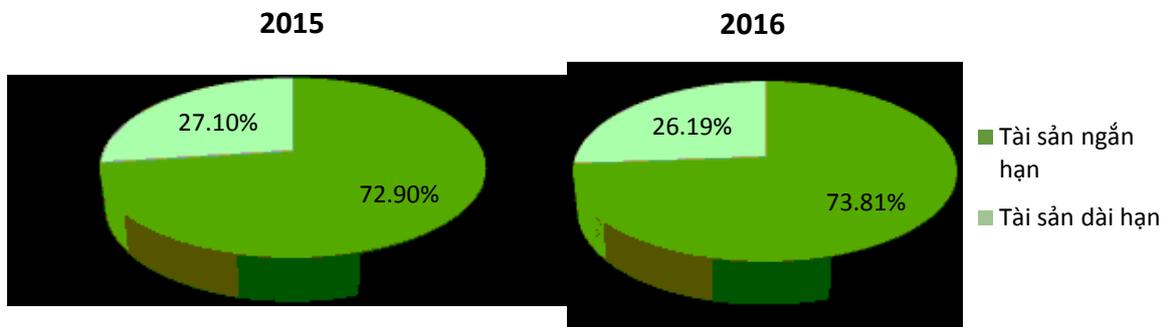
Tốc độ hồi phục của nền kinh tế nói chung còn chậm, sức mua yếu; cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp nhập khẩu kinh doanh phân bón và các yếu tố không thuận lợi của thị trường nông sản, tỷ giá, cũng như chính sách thuế VAT không hợp lý đối với ngành phân bón,... nên các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều phải nỗ lực rất lớn mới đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.



2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	108.720	119.286	9,72%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	4.419	3.433	-22,31%
Tổng tài sản	Triệu đồng	113.139	122.719	8,47%



Tổng tài sản năm 2016 tăng 8,47% so với năm 2015, từ 113,14 tỷ đồng lên 122,72 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản, 72,90% năm 2015 và 73,81% năm 2016.

Khoản mục phải thu ngắn hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn đều tăng cao khiến cho tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 9,72% so với năm 2015 đạt 119,29 tỷ đồng.

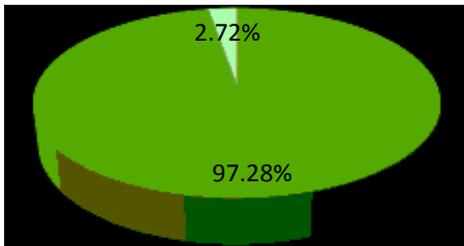
Tài sản dài hạn giảm từ 4,42 tỷ đồng xuống 3,43 tỷ đồng do khoản mục chi phí khấu hao trong năm.



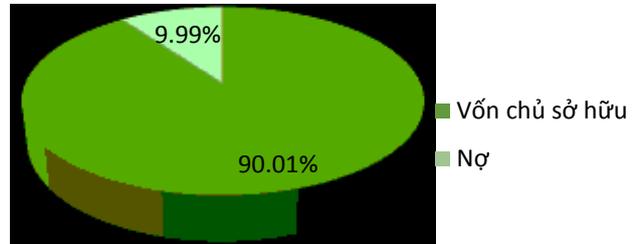
Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	3.081	12.264	298,05
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	110.058	110.455	0,36
Tổng cộng	Triệu đồng	113.139	122.719	8,47

2015



2016



Trong năm qua, Công ty không có các dự án đầu tư lớn nên không vay thêm các khoản nợ dài hạn nào, chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu và vay ngoại tệ ngắn hạn.

Các khoản nợ của Công ty tăng chủ yếu từ các khoản nợ ngắn hạn như phải trả cho người bán, khoản người mua trả tiền trước, phải trả người lao động và thuế phải nộp cho nhà nước. Khoản phải trả người bán và người mua trả tiền trước là 2 khoản tăng lớn nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn, tăng từ 0,65 tỷ đồng và 0,53 tỷ đồng lên đến 4,18 tỷ đồng và 4,10 tỷ đồng, làm cho tổng nợ ngắn hạn tăng 298,34%, từ 3,08 tỷ đồng lên 12,26 tỷ đồng.



3. Những kế hoạch cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý.

Công ty đã ban hành bổ sung đầy đủ các quy chế, quy trình và quy định cơ bản phù hợp, nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức hoạt động kinh doanh.

Tìm hiểu rõ nhu cầu của khách hàng nhằm cải tiến các sản phẩm phân bón, phù hợp với tình hình vật nuôi, cây trồng. Đáp ứng yêu cầu của khách hàng kịp thời, trong thời gian ngắn nhất.

Duy trì đào tạo cán bộ công nhân viên, khen thưởng khuyến khích mỗi nhân sự, tập thể có tiến bộ vượt bậc trong công việc đóng góp sáng kiến vào quá trình hoạt động sản xuất của Công ty.



4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty và những dự báo về thị trường, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016	TH 2017	% KH 2017/TH 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	318.172	320.327	100,57
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.457	6.240	96,64
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.150	4.992	96,93

Mục tiêu chủ yếu của công ty:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và các hoạt động dịch vụ khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông; Xây dựng và phát triển thương hiệu DOCAM trở thành một thương hiệu mạnh về thương mại dịch vụ, vật tư nông nghiệp.

Chia sẻ và hợp tác với các đối tác/khách hàng, đảm bảo đôi bên cùng có lợi.

Đồng hành với sự phát triển của các vùng nông nghiệp gắn kết với sự phát triển của Công ty.

Sử dụng và bảo toàn vốn hiệu quả; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Hoạt động thương mại, dịch vụ:

Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, mở rộng thị phần, lấy sản xuất và kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi làm nền tảng duy trì và phát triển.

Mũi nhọn sản xuất:

Đầu tư và phát triển Nhà máy phân bón theo các hình thức và bước đi thích hợp.

Dự án đầu tư:

Xây dựng phương án di dời Nhà Máy phân bón ra khỏi đô thị (phường Long Bình Tân-TP. Biên Hòa); Xác định vị trí để đầu tư Nhà Máy phân bón mới.

Tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư khu thương mại dịch vụ tại Xí nghiệp nông sản Long Khánh trên khu đất 1,7 ha nhằm khai thác có hiệu quả hơn cơ sở vật chất của Công ty.

Các biện pháp để đạt được kế hoạch lợi nhuận nói trên:

Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị đối với phân bón kinh doanh của Công ty nhằm tăng sản lượng tiêu thụ so với năm 2016.

Xây dựng đội ngũ bán hàng và Marketing lớn mạnh, cải tiến ghi nhãn đi kèm với chính sách bán hàng, chiết khấu để thúc đẩy doanh số, đồng thời tạo dựng mối quan hệ mật thiết với các đại lý phân phối, các bạn hàng truyền thống của Công ty, mở rộng khách hàng tiêu thụ đối với các loại phân bón có ưu thế nhằm gia tăng lợi nhuận.

Khai thác, tận dụng diện tích kho hiện có để cho thuê nhằm tăng thêm nguồn thu.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn công ty, áp dụng đòn bẩy tài chính trong kinh doanh.

Tăng cường kinh doanh nông sản mì lát, bắp hạt, cà phê,... (trước mắt đầu cơ 2.000 – 3.000 tấn mì lát trong vụ mùa 2017); Mở rộng kinh doanh thêm mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

Từ năm 2017, có kế hoạch di dời Nhà Máy phân bón ra khỏi đô thị (phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa).

Liên kết, hợp tác đầu tư Nhà máy phân bón mới ở vị trí thích hợp để tạo sản phẩm mới, tăng khả năng cạnh tranh và sản lượng phân bón tham gia thị trường.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Chăm lo đời sống người lao động, đảm bảo môi trường làm việc xanh sạch, thân thiện, an toàn lao động... Duy trì và phát huy truyền thống tương thân tương ái, chia sẻ hỗ trợ cộng đồng của Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.

Công ty luôn khuyến khích nhân viên tham gia vào công tác xã hội và các hoạt động từ thiện, sẵn sàng dành thời gian và một phần lợi nhuận để hỗ trợ cho các tổ chức xã hội vì cộng đồng và các tổ chức tình nguyện.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

04

Về các mặt hoạt động của công ty

Về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm qua, ngành phân bón đang ở trạng thái cung vượt cầu, các doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh gay gắt với nhau, giá phân bón giảm mạnh, dẫn đến doanh thu của Công ty không đạt được mức tăng trưởng như mong đợi. Sản lượng và chất lượng sản phẩm đều tăng, tuy nhiên giá cả luôn phải chịu sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tình hình phát triển kinh tế tăng trưởng còn chậm, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh phân bón sản xuất trong nước, trong đó có DOC.

Thời gian qua, Công ty thực hiện khá hiệu quả công tác kiểm soát chi phí đầu vào giúp cải thiện biên độ lợi nhuận và thực hiện các chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra. Cùng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, DOC đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2016.



2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm qua, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã có những định hướng, kế hoạch phát triển đúng đắn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc đã phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm, luôn đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả. Các hoạt động đầu tư, kinh doanh đảm bảo đạt mục tiêu một cách tiết kiệm, hiệu quả.

Tạo được niềm tin cho khách hàng, giữ vững thương hiệu trên địa bàn tỉnh nhà cũng như các địa phương lân cận. Công ty đã chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng, tích cực quảng bá thương hiệu và xây dựng hình ảnh DOC với bà con nông dân trong khu vực.

3. Các kế hoạch, định hướng

Năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức lại bộ máy và hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Ngoài các cuộc họp thường kì, Hội đồng quản trị cũng sẽ tổ chức các phiên họp bất thường, nhằm theo dõi sát sao các hoạt động của Công ty, xử lý các vấn đề cấp bách một cách kịp thời, hiệu quả nhất.

Đưa ra những chỉ tiêu, kế hoạch phù hợp, chỉ đạo ban Giám đốc bám sát tiến độ, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ, hạn chế rủi ro trong các hoạt động của Công ty.

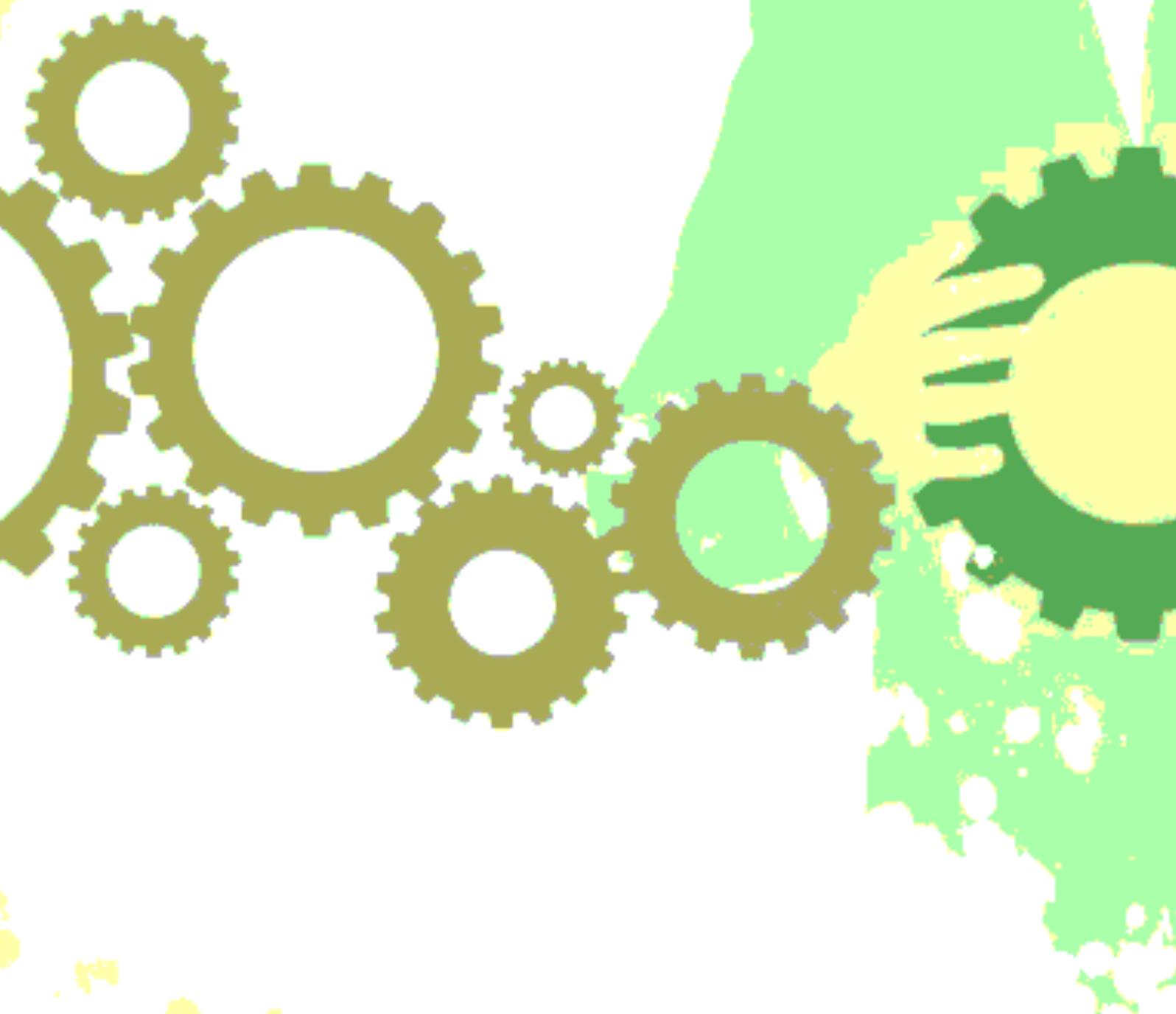


05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho báo cáo kiểm toán số 17.351/BCKT-RSM HCM ngày 22/03/2017 nhằm thay đổi kiểm toán viên. Việc thay thế này không làm thay đổi bất kỳ thông tin nào của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty đã được phát hành trước đây vào ngày 22/03/2017.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Huỳnh Thị Ngọc Trinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017



2. Báo cáo tài chính kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.286.177.352	108.719.897.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	62.096.877.169	61.456.712.992
1. Tiền	111		2.596.877.169	1.856.712.992
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.500.000.000	59.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	25.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.203.183.473	5.527.929.897
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	10.453.788.994	5.212.687.344
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.670.049.792	267.083.215
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		256.086.831	233.326.482
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(176.742.144)	(185.147.144)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	19.740.845.984	41.447.725.175
1. Hàng tồn kho	141		19.762.257.568	41.680.316.159
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.411.584)	(232.590.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		245.270.726	287.529.767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		245.270.726	170.944.746
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	-	116.585.021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.432.528.694	4.418.880.404
I. Tài sản cố định	220	5.5	3.280.815.056	4.356.480.404
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.280.815.056	4.356.480.404
Nguyên giá	222		27.634.175.506	28.448.367.506
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.353.360.450)	(24.091.887.102)
II. Tài sản dài hạn khác	260		151.713.638	62.400.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		151.713.638	62.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	270		122.718.706.046	113.138.778.235





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.263.658.090	3.080.669.063
I. Nợ ngắn hạn	310		12.263.658.090	3.080.669.063
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.6	4.177.576.875	649.900.523
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.7	4.103.525.500	534.629.898
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	702.895.682	131.167.580
4. Phải trả người lao động	314	5.9	1.485.314.151	871.987.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		119.612.875	119.993.503
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		134.355.091	354.492.188
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		478.140.000	361.040.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		657.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		405.237.916	57.458.281
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.455.047.956	110.058.109.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	110.455.047.956	110.058.109.172
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.580.775.684	3.263.284.594
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.874.272.272	6.794.824.578
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.723.948.753	2.741.666.803
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.150.323.519	4.053.157.775
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		122.718.706.046	113.138.778.235



Phan Thị Anh Thy
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người lập

Mai Thị Xuân Hồng
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	318.227.529.757	319.610.552.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55.455.350	14.014.608
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		318.172.074.407	319.596.538.264
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	302.730.219.533	302.345.220.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.441.854.874	17.251.317.917
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.155.536.321	3.019.078.234
7. Chi phí tài chính	22		254.678.633	21.685.392
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		122.184.985	7.090.694
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	6.643.454.350	7.303.299.850
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.929.418.293	7.146.769.729
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.769.839.919	5.798.641.180
11. Thu nhập khác	31		769.139.280	70.288.057
12. Chi phí khác	32		82.074.800	878.136
13. Lợi nhuận khác	40		687.064.480	69.409.921
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.456.904.399	5.868.051.101
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.306.580.880	1.814.893.326
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.10.1	5.150.323.519	4.053.157.775
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.10.4	464	330



Phê duyệt

Phan Thị Anh Thy
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người lập

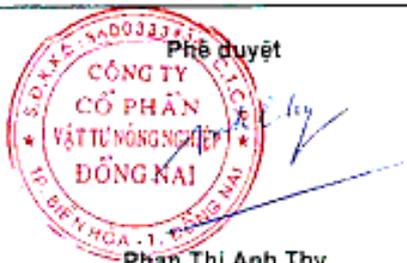
Mai Thị Xuân Hồng
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.456.904.399	5.868.051.101
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.075.665.348	1.131.247.141
Các khoản dự phòng	03		(219.584.400)	(342.985.701)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(201.567)	(553.862)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.240.952.313)	(2.714.276.221)
Chi phí lãi vay	06		122.184.985	7.090.694
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.194.016.452	3.948.573.152
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.550.263.555)	4.768.357.730
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.918.058.591	(3.813.486.065)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.883.664.858	(7.480.843.486)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(163.639.618)	56.237.730
Tiền lãi vay đã trả	14		(122.184.985)	(7.090.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.8	(513.428.616)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(405.605.100)	(39.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.240.618.027	(2.567.751.633)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		313.636.363	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	30.084.583.333
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.927.315.950	2.714.276.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.759.047.687)	32.798.869.554
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	50.114.170.568	17.962.558.100
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(50.092.878.298)	(17.962.558.100)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.862.900.000)	(2.904.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.841.607.730)	(2.904.930.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		639.962.610	27.326.177.921
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	61.456.712.992	34.129.981.209
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		201.567	553.862
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	62.096.877.169	61.456.712.992



Phê duyệt

Phan Thị Anh Thy
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người lập

Mai Thị Xuân Hồng
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai. Ngày 01 tháng 03 năm 2010 Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600333736 ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 04 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100 tỷ VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Việt Nam	72.108.000.000	72,11%	72.108.000.000	72,11%
Cổ đông thiểu số	Việt Nam	27.892.000.000	27,89%	27.892.000.000	27,89%
Cộng		100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 62 nhân viên (31/12/2015: 65 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh phân bón

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích cây trồng và vật nuôi, hạt nhựa;
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp và nhà ở;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao vận hàng hóa, xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ đóng gói;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bao bì PP;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp: Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng máy nông nghiệp và thủy sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý bán buôn lương thực, thực phẩm, nông sản, nông sản thực phẩm; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trú gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn nông sản (đối với hạt điều và bông vải phải thực hiện theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ); Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn nông sản nguyên liệu, giống cây trồng. Bán buôn, ươm giống, trồng hoa phong lan, cây cảnh;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Ni tơ: Sản xuất, chế biến, phân bón tổng hợp, phân vi sinh, phân vi sinh lượng, phân đặc chủng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn lương thực, thực phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng, xi măng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt thép;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch: Gia công, chế biến hàng nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Dịch vụ cho thuê kho, xưởng. Bán buôn nhà;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Tân Phú	Quốc Lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Xuân Lộc	Quốc Lộ 1, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà máy phân bón	Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Quốc Lộ 1, Ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Lâm Sơn	Tổ 9, Ấp 8, Xã Xuân Tây, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Ấp Làng Lớn, Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Tỉnh lộ 768, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	629 Trần Xuân Soan, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 06 năm |

4.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.9. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016 ngày 27 tháng 04 năm 2016, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 5%;
- Quỹ phúc lợi: 5%;
- Quỹ khen thưởng: 5%;
- Quỹ Ban quản lý điều hành: 5% trên số lợi nhuận vượt, chỉ trích khi lợi nhuận vượt kế hoạch;
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến: 3%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

4.11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Lúa giống: Không chịu thuế;
- Nông sản: Không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng;
- Phân bón: Không chịu thuế;
- Khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	570.052.774	478.883.889
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.026.824.395	1.177.829.103
Các khoản tương đương tiền	59.500.000.000	59.800.000.000
Cộng	62.096.877.169	61.456.712.992

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,38%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được chi tiết như sau:

	Lãi suất	Kỳ hạn	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương	5,82%/năm	6 tháng	10.000.000.000	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – Chi nhánh Đồng Nai	5,75%	6 tháng	8.000.000.000	-
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	5,92%/năm	6 tháng	7.000.000.000	-
Cộng			25.000.000.000	-

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	4.272.224.000	-
Các khách hàng khác	1.244.294.994	5.074.092.844
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	4.937.270.000	138.574.500
Cộng	10.453.788.994	5.212.667.344

5.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	4.324.387.320	-	10.043.687.776	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.523.414.250	(21.411.584)	5.433.689.003	(16.964.984)
Công cụ, dụng cụ	103.420.064	-	15.819.324	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.708.411	-	121.890.731	-
Thành phẩm	400.022.381	-	764.226.180	-
Hàng hóa	11.573.121.368	-	23.460.715.239	(215.626.000)
Hàng gửi bán	1.809.183.774	-	1.820.307.906	-
Cộng	19.762.257.568	(21.411.584)	41.680.316.159	(232.590.984)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Khoản mục					
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	25.117.641.482	2.152.954.293 (65.184.000)	1.087.448.095 (749.008.000)	90.323.636	28.448.367.506 (814.192.000)
Thanh lý, nhượng bán	-			-	
Tại ngày 31/12/2016	25.117.641.482	2.087.770.293	338.440.095	90.323.636	27.634.175.506
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	21.015.315.306	1.898.800.065	1.087.448.095	90.323.636	24.091.887.102
Khấu hao trong năm	1.019.396.172	56.269.176 (65.184.000)	- (749.008.000)	-	1.075.665.348 (814.192.000)
Thanh lý, nhượng bán	-			-	
Tại ngày 31/12/2016	22.034.711.478	1.889.885.241	338.440.095	90.323.636	24.353.360.450
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	4.102.326.176	254.154.228	-	-	4.356.480.404
Tại ngày 31/12/2016	3.082.930.004	197.885.052	-	-	3.280.815.056

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.436.821.791 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Baconco	2.431.480.000	2.431.480.000	310.750.000	310.750.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập Khẩu Khai Anh	581.000.000	581.000.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải & Thương mại Tân Tạo	580.738.000	580.738.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	584.358.875	584.358.875	339.150.523	339.150.523
Cộng	4.177.576.875	4.177.576.875	649.900.523	649.900.523

5.7. Người mua trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
Chi nhánh Hồng Thái	796.410.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Đông	697.700.000	-
Công ty TNHH TMDV XNK Tân Tri Phát	575.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngọc	458.000.000	-
Đối tượng khác	1.576.415.500	534.629.898
Cộng	4.103.525.500	534.629.898



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	69.200.236	306.748.002	351.515.844	-	24.432.394
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	784.440.233	784.440.233	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	61.967.344	101.388.268	161.459.567	-	1.896.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.585.021	-	1.306.580.880	513.428.616	-	676.567.243
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.085.571.374	1.085.571.374	-	-
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-
Cộng	116.585.021	131.167.580	3.597.728.757	2.909.415.634	-	702.895.682

5.9. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương tháng 12 và thưởng cuối năm còn phải trả cho người lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Vốn chủ sở hữu

5.10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	3.208.540.808	3.553.086.674	106.761.627.482
Điều chỉnh số đầu năm do thay đổi ước tính kế toán	-	-	2.296.664.015	2.296.664.015
Lãi trong năm trước	-	-	4.053.157.775	4.053.157.775
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	54.743.786	(54.743.786)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(53.340.100)	(53.340.100)
Chia cổ tức	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	3.263.284.594	6.794.824.578	110.058.109.172
Lãi trong năm nay	-	-	5.150.323.519	5.150.323.519
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	317.491.090	(317.491.090)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(753.384.735)	(753.384.735)
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	100.000.000.000	3.580.775.684	6.874.272.272	110.455.047.956



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	72.108.000.000	72.108.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	27.892.000.000	27.892.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

5.10.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phần.

5.10.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.150.323.519	4.053.157.775
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(615.032.352)	(753.384.735)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	464	330

5.10.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2016	3.263.284.594
Trích trong năm	317.491.090
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2016	3.580.775.684

5.11. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	637,95	753,34



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	310.294.706.554	304.405.107.117
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.238.997.719	1.538.503.619
Cộng	312.533.704.273	305.943.610.736
Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8		
Doanh thu bán hàng	4.937.270.000	12.675.877.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	756.555.484	991.064.516
Cộng	5.693.825.484	13.666.942.136
Tổng cộng	318.227.529.757	319.610.552.872

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hòa đã bán	302.941.398.933	302.688.206.048
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(211.179.400)	(342.985.701)
Cộng	302.730.219.533	302.345.220.347

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.927.315.950	2.714.276.221
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	19.713.486	36.608.656
Lãi chênh lệch tỷ giá	208.305.318	267.659.495
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	201.567	533.862
Cộng	4.155.536.321	3.019.078.234

6.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	2.981.801.353	2.536.203.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.156.158.360	3.360.716.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.022.207.088	1.066.988.881
Các khoản chi phí bán hàng khác	483.287.549	339.391.327
Cộng	6.643.454.350	7.303.299.850



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí cho nhân viên	3.444.121.550	3.447.339.071
Chi phí thuê, lệ phí	1.121.642.414	1.477.588.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.738.536	1.176.816.411
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.119.630	302.895.979
Chi phí công cụ, dụng cụ	80.155.444	92.087.166
Chi phí dự phòng	(8.405.000)	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.767.740	28.567.740
Các khoản chi phí QLDN khác	759.277.979	621.677.355
Cộng	6.929.418.293	7.146.769.729

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá mua hàng hóa	275.230.895.586	280.858.762.362
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.918.839.033	8.965.065.813
Chi phí nhân công	7.061.258.259	6.729.318.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.075.665.348	1.131.247.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.414.044.281	6.377.346.005
Chi phí khác bằng tiền	1.114.249.852	2.379.482.528
Cộng	295.814.952.359	306.441.222.369

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	6.456.904.399	5.868.051.101
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Lương thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	76.000.000	84.000.000
+ Phạt vi phạm hành chính	-	800.000
+ Hoàn nhập chi phí trích trước tiền thuế đất do thay đổi ước tính kế toán trong năm	-	2.296.664.015
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.532.904.399	8.249.515.116
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	1.306.580.880	1.814.893.326

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.114.170.568	17.962.558.100

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	50.092.878.298	17.962.558.100

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai
- HDQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu – xem thêm mục 5.3		
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	4.937.270.000	138.574.500

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Doanh thu chưa thực hiện:		
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	-	(206.935.484)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng – xem thêm mục 6.1		
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	4.937.270.000	12.675.877.620
Cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1		
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	756.555.484	991.064.516



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao và thu nhập	1.037.818.092	1.243.497.390

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	127.363.095	140.855.558

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2016 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	330	365

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự chênh lệch giữa số tiền khen thưởng phúc lợi tạm trích và thực tế phát sinh của năm tài chính 2015.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt



Phan Thị Anh Thy
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người lập



Mai Thị Xuân Hồng
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Phan Duyết
CÔNG TY CỔ PHẦN
HỖ TRỢ VÀO SẴN
ĐỒNG NAI
Phan Thị Anh Thy
Giám đốc

